TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 65/2024/QĐST-HNGĐ	*Tiên Du, ngày 03 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình"*, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Xóm L, thôn ĐC, xã ND, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2024

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu B

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu B thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2017 đăng ký ngày 02/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Nội Duệ ,huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Cháu Nguyễn Hữu T 21/12/2015. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Hữu B là người trực tiếp chăm nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con

chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu B xác định không có.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; hoàn trả lại cho chị H 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23; số 0001328 ngày 15/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du;
- UBND xã Nội Duệ, huyện Tiên Du
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Trần Văn Quang